



Ước tính các chi phí để xây dựng, thực hiện dự án và ban hành tín chỉ các bon

Phạm Thu Thủy
Trần Phương Mai
Nguyễn Đức Tú

Ước tính các chi phí để xây dựng, thực hiện dự án và ban hành tín chỉ các bon

Phạm Thu Thủy
CIFOR-ICRAF;
Flinders University

Trần Phương Mai
CIFOR-ICRAF

Nguyễn Đức Tú
CIFOR-ICRAF;
University of Adelaide

Báo cáo kỹ thuật 40

© 2024 CIFOR-ICRAF



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phái sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009332

Phạm TT, Trần PM, Nguyễn ĐT. 2024. *Ước tính các chi phí để xây dựng, thực hiện dự án và ban hành tín chỉ các bon*. Báo cáo kỹ thuật 40. Bogor, Indonesia: CIFOR; Nairobi, Kenya: ICRAF.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia
T +62 (251) 8622622
F +62 (251) 8622100
E cifor@cifor-icraf.org

ICRAF
United Nations Avenue, Gigiri
PO Box 30677, Nairobi, 00100
Kenya
T +254 (20) 7224000
F +254 (20) 7224001
E worldagroforestry@cifor-icraf.org

cifor-icraf.org

Tất cả các thiết kế về hình ảnh và tài liệu trong ấn phẩm này không thể hiện bất cứ quan điểm nào của CIFOR-ICRAF, các đối tác hay các nhà tài trợ về các quy định hiện hành của quốc gia.

Mục lục

Lời cảm ơn	v
1 Mở đầu	1
2 Tổng quan các chi phí liên quan đến thiết kế và thực hiện các dự án các bon	2
3 Chi phí các tiêu chuẩn các bon quy định thu	5
4 Chi phí trả một lần duy nhất vs. Chi phí định kỳ	13
5 Các chi phí vận hành và thực hiện dự án	15
6 Kết luận	16
Tài liệu tham khảo	17

Danh mục hình và bảng

Hình

1	Sơ đồ các bước thực hiện dự án các bon	2
2	Tổng quan các chi phí cần thiết để thực hiện một dự án các bon	2
3	Các chi phí mà các tiêu chuẩn các bon thu để cấp tín chỉ các bon	5

Bảng

1	Một số chi phí để đăng ký và cấp tín chỉ các bon	3
2	Chi phí các tiêu chuẩn các bon quy định	7
3	So sánh chi phí áp dụng bởi một số tiêu chuẩn các bon	12
4	Tổng quan các chi phí liên quan đến thiết kết và thực hiện dự án các bon	13
5	Các chi phí bắt buộc mà dự án phải cho bên kiểm định VVB	14
6	Các chi phí cần cân nhắc khi thực hiện dự án	15

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn trường Đại học Flinders, UBS, Global Affairs Canada và Chương trình Lương thực phát thải thấp (MITIGATE+) đã hỗ trợ tài chính để thực hiện báo cáo này.

1 Mở đầu

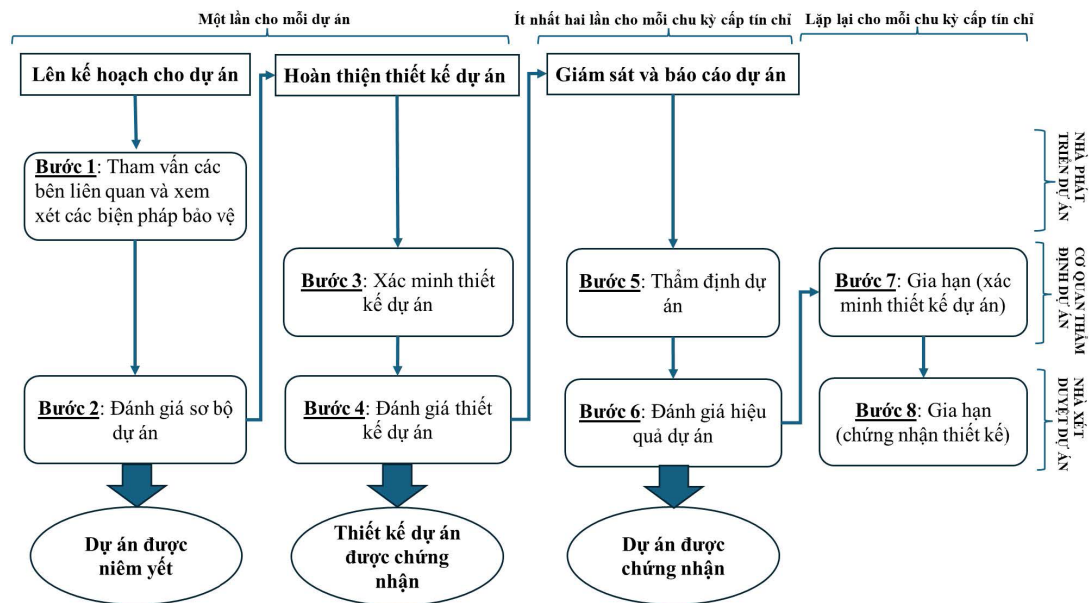
Hiện nay Việt Nam được coi là một thị trường rừng các bon tiềm năng khi ngoài việc có tỉ lệ che phủ rừng cao, Việt Nam còn là một trong các quốc gia tiên phong tại Châu Á trong việc xây dựng các hành lang pháp lý và cam kết chính trị mạnh mẽ về bảo vệ và phát triển rừng cũng như phát triển các dự án các bon rừng.

Trước những tín hiệu tích cực về nguồn cung của thị trường, các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng và các hộ gia đình tại Việt Nam đang rất hào hứng về những lợi ích tiềm năng cả về tài chính lẫn môi trường và xã hội mà các dự án các bon rừng có thể đem lại. Tuy nhiên, việc thiết kế và thực hiện các dự án các bon cùng với quá trình cấp tín chỉ các bon thường rất tốn kém, bao gồm cả chi phí trả một lần và trả định kỳ. Trong khi đó, các nhà quản lý và các bên phát triển dự án lại thiếu thông tin hoặc không tính toán đầy đủ các chi phí, dẫn đến rủi ro tài chính khi tham gia vào các dự án các bon.

Nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam, các bên phát triển dự án, cộng đồng, người dân và doanh nghiệp có các thông tin đầy đủ và cập nhật về các chi phí liên quan đến dự án các bon, từ đó đưa ra các quyết định chính xác trong quá trình xây dựng, đàm phán và thực hiện các dự án các bon rừng, báo cáo này rà soát các tài liệu thứ cấp bao gồm thông tin về thị trường các bon, các chi phí liên quan để thiết kế, đăng ký dự án, cấp chứng chỉ các bon. Điều cần lưu ý là trước bối cảnh thị trường các bon có nhiều biến động đi kèm với tốc độ phát triển khoa học công nghệ và cạnh tranh giữa các tiêu chuẩn các bon, các chi phí mà báo cáo này ghi nhận có thể thay đổi theo từng thời kỳ do vậy các bên liên quan thực hiện dự án cần phải thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời cập nhật xu thế thị trường.

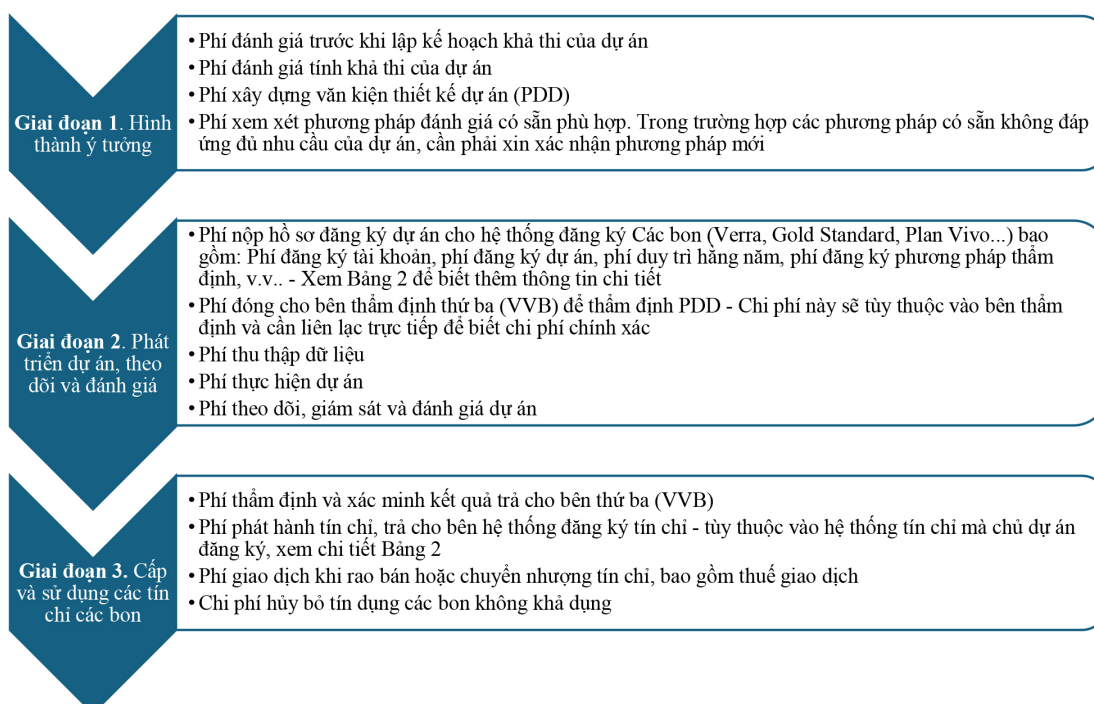
2 Tổng quan các chi phí liên quan đến thiết kế và thực hiện các dự án các bon

Hình 1 miêu tả các bước thực hiện một dự án các bon. Mỗi bước thực hiện một dự án các bon đều đi kèm với các chi phí khác nhau.



Hình 1. Sơ đồ các bước thực hiện dự án các bon

Mỗi giai đoạn thiết kế, đăng ký và cấp tín chỉ các bon, dự án cũng phải bỏ ra các chi phí khác nhau (Hình 2, Bảng 1).



Hình 2. Tổng quan các chi phí cần thiết để thực hiện một dự án các bon

Bảng 1 miêu tả chi tiết hơn các chi phí mà Hình 2 đưa ra đồng thời đưa ra các lưu ý cần nhắc cho các bên phát triển dự án.

Bảng 1. Một số chi phí để đăng ký và cấp tín chỉ các bon

Chi phí	Miêu tả chi tiết
Giai đoạn 1. Quá trình hình thành ý tưởng dự án, tìm kiếm và đánh giá nhu cầu tài chính	<p>Các chi phí của giai đoạn này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá tiền khả thi. Đánh giá tiền khả thi có thể tốn từ \$10,000 - \$30,000 tùy thuộc vào các hoạt động mà dự án cần thực hiện bao gồm các khảo sát và tham vấn với người dân địa phương, tính toán tiềm năng giảm phát thải và phòng tránh phát thải. • Đánh giá tính khả thi của dự án để xây dựng văn kiện thiết kế dự án (PDD). Đánh giá nghiên cứu khả thi bao gồm đánh giá tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, về chính sách, và về khả năng của tổ chức. Tùy thuộc vào sự phức tạp của dự án, chi phí để nghiên cứu tính khả thi có thể tốn từ \$50,000 - \$150,000. Các dự án chỉ mang tính kỹ thuật, sử dụng công nghệ thường thấp hơn các dự án về lâm nghiệp vì các chi phí thực địa rất cao. Văn kiện dự án (PDD) là một tài liệu quan trọng để có thể đăng ký dự án. Để xây dựng PDD, sẽ cần tiền hành đánh giá cơ sở, và xây dựng bản thảo PDD. Chi phí xây dựng PDD thường tốn khoảng \$250,000 - \$500,000 cho dự án thiên nhiên và từ \$100,000 - \$200,000 cho các dự án kỹ thuật.
Giai đoạn 2. Phát triển dự án, theo dõi và đánh giá	<p>Các chi phí bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thẩm định dự án cho một bên thẩm định dự án thứ ba (VVB) <ul style="list-style-type: none"> ◦ Để tiến hành quá trình thẩm định, các doanh nghiệp cần đăng ký một tài khoản và lên danh sách các dự án theo hệ thống đăng ký họ lựa chọn. ◦ Các chi phí này thường tốn vào khoảng \$1,000 - \$5,000 tùy vào hệ thống đăng ký, tiêu chuẩn các bon, và loại hình dự án. Tiêu chuẩn Verra thường áp dụng chung một giá cho các dự án VCS với tổng chi phí cho việc mở, duy trì và đăng ký dự án tiềm năng là \$2,000. Chi phí này sẽ tăng lên thành \$3,000 bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 (Verra, 2024). Trong khi đó tiêu chuẩn Gold Standard thu các phí khác nhau giữa các loại hình dự án. Ví dụ, đối với các dự án sử dụng đất và lâm nghiệp, Gold Standard thu nhiều loại phí bao gồm: \$4,500 cho việc đăng ký và đánh giá ban đầu cho các dự án thiên nhiên trong khi con số này chỉ khoảng \$1,900 cho các dự án kỹ thuật khác không dựa vào tài nguyên thiên nhiên. ◦ Sau đó, các đơn vị thẩm định (VVB) sẽ thẩm định lại PDD và quá trình thực hiện kế hoạch. VVB thông thường lấy phí khoảng từ \$40,000 - \$60,000 cho việc thẩm định cho các dự án thiên nhiên, trong khi chi phí này khoảng \$20,000 - \$40,000 để thẩm định các dự án kỹ thuật. Các dự án thiên nhiên như các bon rừng thường cần nhiều thời gian và tốn kém hơn để thực hiện. ◦ Sau khi PDD được thẩm định, VVB thường sẽ đăng ký dự án bằng việc nộp PDD lên hệ thống đăng ký được lựa chọn của tiêu chuẩn các bon đã được chọn sẵn. Hệ thống đăng ký này sẽ rà soát và xem xét lại PDD và thu phí từ \$5,000 - \$30,000 cho việc đăng ký dự án trên hệ thống. ◦ Chi phí thu thập số liệu để theo dõi dự án. ◦ Chi phí thực hiện dự án là chi phí lớn nhất trong quá trình thực hiện dự án. Dự án càng lớn và quy mô hoạt động càng nhiều thì chi phí thực hiện càng cao. Trong các nghiên cứu khả thi, cần phải xác định rõ các chi phí tối thiểu để thực hiện dự án, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> – Chi phí phát triển và xây dựng dự án – Chi phí trả cho các công nghệ hay các biện pháp kỹ thuật để giảm phát thải – Quản lý và điều hành dự án – Xây dựng và phát triển quan hệ đối tác với các bên có liên quan. ◦ Chi phí theo dõi, giám sát và đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> – Để có thể cấp và phát hành tín chỉ carbon, các hệ thống đăng ký yêu cầu VVB thực hiện thẩm định và xác minh lại để đảm bảo rằng lượng phát thải giảm được, cùng với các thông tin đầu vào liên quan, đã được báo cáo chính xác.

Xem tiếp ở trang sau

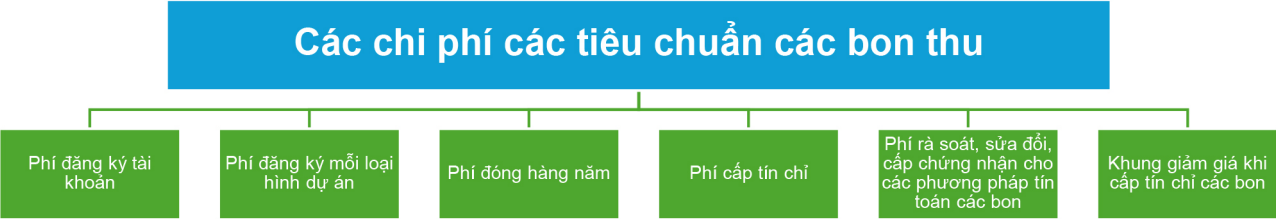
Bảng 1. Tiếp trang trước

Chi phí	Miêu tả chi tiết
	<ul style="list-style-type: none">- Các doanh nghiệp cần theo dõi các số liệu này và xây dựng bản phác thảo báo cáo lượng phát thải cho mỗi chu kỳ cấp tín chỉ (ví dụ cho giai đoạn mà tín chỉ mới được kỳ vọng sẽ được ban hành). Để có được báo cáo này các doanh nghiệp cần trả phí thu thập số liệu qua thời gian và xây dựng bản thảo báo cáo.- Chi phí cho việc theo dõi và đánh giá này đối với các dự án thiên nhiên trong đó có các bon rừng thường cao hơn rất nhiều so với các dự án sử dụng công nghệ khác. Lý do là bởi vì các phân tích và số liệu của các dự án này đòi hỏi yêu cầu chi tiết và phức tạp hơn các dự án công nghệ. Chính vì vậy mà các VVB thường yêu cầu phí thẩm định đối với dự án thiên nhiên cao hơn nhiều so với các dự án kỹ thuật thông thường khác.
Giai đoạn 3. Cấp chứng chỉ tín chỉ các bon và thương mại các bon	<p>Các chi phí giai đoạn này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">◦ Chi phí thẩm định và xác minh kết quả giảm phát thải được xác nhận bởi một bên thẩm định được cấp phép thứ ba. Chi phí này có thể lên tới từ \$100,000 - \$300,000 đối với dự án thiên nhiên (v.d. các bon rừng) và \$50,000 - \$150,000 cho các dự án kỹ thuật/ công nghệ khác cho mỗi chu kỳ cấp chứng chỉ và ban hành tín chỉ các bon.◦ Chi phí phát hành tín chỉ bởi một hệ thống đăng ký tín chỉ.◦ Chi phí giao dịch khi các tín chỉ được bán hoặc chuyển nhượng. Trước khi các tín chỉ các bon được bán, việc cấp tín dụng các bon đã được xác minh sẽ phải chịu phí phát hành từ cơ quan đăng ký. Khoản thuế này có giá từ 0.002 USD đến 0.15 USD cho mỗi khoản tín dụng các bon, tùy thuộc vào cơ quan đăng ký, tiêu chuẩn và số lượng tín chỉ các bon được ban hành.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya 2024.

3 Chi phí các tiêu chuẩn các bon quy định thu

Hình 3 và Bảng 2 miêu tả tổng quan các phí mà các tiêu chuẩn các bon thu cho các dự án các bon.



Hình 3. Các chi phí mà các tiêu chuẩn các bon thu để cấp tín chỉ các bon

Nhìn chung có 6 quy định liên quan đến mức phí mà các tiêu chuẩn các bon thu để đăng ký, thẩm định và cấp tín chỉ các bon

- i. Phí đăng ký tài khoản.** Để có thể đăng ký trên hệ thống giao dịch, các tiêu chuẩn các bon sẽ thu phí mở tài khoản giao dịch
- ii. Phí đăng ký loại hình dự án.** Mỗi một tài khoản đăng ký và giao dịch dự án có thể dùng để đăng ký cho nhiều loại hình dự án khác nhau. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn sẽ thu phí với mỗi loại hình dự án mà tài khoản đăng ký này tiến hành thực hiện công bố và giao dịch
- iii. Phí đóng hàng năm.** Một số tiêu chuẩn các bon thu phí hàng năm để duy trì các tài khoản đăng ký dự án
- iv. Phí cấp tín chỉ.** Các tiêu chuẩn các bon thu phí cho mỗi tín chỉ các bon mà tiêu chuẩn các bon ban hành.
- v. Phí rà soát, sửa đổi và đăng ký các phương pháp tính toán phát thải.** Khi các bên đề xuất và thực hiện dự án thấy các phương pháp tính toán các bon hiện có của các tiêu chuẩn không phù hợp hoặc chưa có đối với loại hình dự án mà họ đang định tiến hành, họ có thể nộp yêu cầu sửa đổi hoặc phát triển phương pháp mới để các tiêu chuẩn các bon công nhận. Các tiêu chuẩn các bon sẽ thu phí để thẩm định và thông qua các phương pháp sửa đổi hoặc công bố mới này.
- vi. Các quy định về giảm giá.** Các bên phát triển dự án càng đăng ký nhiều dự án và xin cấp chứng chỉ cho nhiều tín chỉ các bon, thì chi phí cấp cho mỗi tín chỉ càng thấp.

Bảng 2 trình bày chi tiết hơn các mức giá mỗi tiêu chuẩn áp dụng.

Bảng 2. Chi phí các tiêu chuẩn các bon quy định

Tiêu chuẩn các bon	Phí đăng ký tài khoản	Các loại chương trình	Phí đăng ký mỗi loại dự án	Phí đóng hàng năm	Phí cấp tín chỉ	Phí rà soát các phương pháp	Khung giảm giá
Verra	USD 500 (một lần duy nhất) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, phí đăng ký sẽ tăng lên thành USD 750 (nộp một lần duy nhất) Một tài khoản duy nhất trên số đăng ký Verra có thể được sử dụng để quản lý nhiều dự án và để quản lý các dự án tham gia vào hơn một chương trình của Verra (ví dụ: Tiêu chuẩn các bon đã được xác minh VCS, chương trình sản xuất nhựa, SD VISta, hay tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng Sinh học CCBS).	Tiêu chuẩn các bon đã được xác minh (VCS)	USD 2,500 cho tới trước ngày 01 tháng 12 năm 2024. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024, phí đăng ký sẽ tăng lên thành USD 3,750.	1 dự án: USD 5,000 2 dự án: USD 7,250 Nhiều hơn 3 dự án: USD 9,000	USD 0.20 / tín chỉ các bon đã được xác minh (VCU) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, phí cấp tín chỉ là USD 0.23 cho mỗi tấn CO ₂ e giảm thiểu hoặc loại bỏ được yêu cầu. Ngoại trừ: <ul style="list-style-type: none"> Đối với các dự án đã yêu cầu phê duyệt xác minh trước ngày thay đổi chi phí, mức phí mới cho tín chỉ các bon (VCU) sẽ được áp dụng từ thời điểm xác minh và có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi Verra phê duyệt yêu cầu xác minh. Đối với các dự án ở các Quốc gia Kém Phát Triển Nhất (xem tại đây), mức phí cập nhật sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025. 	Đối với các phương pháp mới và các sửa đổi lớn về mặt phương pháp, các chi phí bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> USD 2,000 phí xem xét và thẩm định phương pháp cho tới khi ý tưởng đề xuất về phương pháp lần đầu được nộp (Bước 2 trong quy trình rà soát về phát triển dự án); cộng thêm USD 13,000 phí xem xét thẩm định khi nộp bản thảo của phương pháp (Bước 3 trong quá trình rà soát về phát triển dự án). Đối với các mô hình và bộ công cụ sử dụng mới được phát triển hoặc cần sửa đổi nhiều: <ul style="list-style-type: none"> USD 1,500 phí xem xét khi ý tưởng đề xuất lần đầu tiên được nộp (Bước 2 trong quy trình rà soát); cộng thêm USD 6,000 phí xem xét khi nộp bản thảo về module giảng dạy hoặc bộ công cụ đang sửa đổi (Bước 3 của quá trình rà soát và phát triển phương pháp). Đối với các phương pháp, module tính toán và bộ công cụ cần sửa đổi ít: <ul style="list-style-type: none"> USD 6,000 phí xem xét khi bản thảo lần đầu được nộp (Bước 3 của quá trình rà soát và phát triển phương pháp). 	Số lượng tín chỉ các bon VCU được ban hành (USD / tín chỉ các bon VCU) 1 - 1,000,000: USD 0.02/tín chỉ 1,000,001 - 2,000,000: USD 0.018/tín chỉ 2,000,001 - 4,000,000: USD 0.016/tín chỉ 4,000,001 - 6,000,000: USD 0.012/tín chỉ 6,000,001 - 8,000,000: USD 0.008/tín chỉ 8,000,001 - 10,000,000: USD 0.004/tín chỉ 10,000,000 - 60,000,000: USD 0.002/tín chỉ

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Phí đăng ký tài khoản	Các loại chương trình	Phí đăng ký mỗi loại dự án	Phí đóng hàng năm	Phí cấp tín chỉ	Phí rà soát các phương pháp	Khung giảm giá
		Tiêu chuẩn giảm thiểu chất thải nhựa	<p>Đối với mỗi yêu cầu đăng ký dự án trước ngày 01 tháng 01 năm 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu dự án không phát hành tín chỉ: USD 2,500 Nếu dự án phát hành tín chỉ và yêu cầu đăng ký mà không nộp báo cáo xác minh, hoặc yêu cầu đăng ký kèm theo báo cáo xác minh và thời gian xác minh ít nhất một năm: (số tấn chất thải nhựa ước tính thu gom và/ hoặc tái chế hàng năm) nhân với (USD 5); tối đa là USD 7,500. <p>Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với các dự án áp dụng một phương pháp - USD 2,000 cho mỗi yêu cầu. Đối với các dự án áp dụng nhiều phương pháp - USD 3,000 cho mỗi yêu cầu. 		<p>Phí cấp tín chỉ giảm thiểu chất thải nhựa cho mỗi tín chỉ được phát hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2025:</p> <p>1–100: USD 1</p> <p>101–500: USD 3</p> <p>501–1,000: USD 5</p> <p>1,001–2,500: USD 7</p> <p>2,501–5,000: USD 10</p> <p>5,001–10,000: USD 7</p> <p>10,001–100,000: USD 5</p> <p>100,001 trở lên: USD 3</p> <p>Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025:</p> <p>Phí cấp tín chỉ là USD 7 cho mỗi tín chỉ nhựa được phát hành</p>	<p>Đối với các phương pháp mới và các sửa đổi lớn về mặt phương pháp, các chi phí bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phí đăng ký các ý tưởng ban đầu cho phương pháp mới: USD 2,000 Phí xử lý khi Verra chấp nhận phần phương pháp vào quy trình phê duyệt: USD 13,000 <p>Đối với các mô hình và bộ công cụ sử dụng mới được phát triển hoặc cần sửa đổi nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phí đăng ký các ý tưởng ban đầu của phương pháp mới: USD 1,500 Phí xử lý khi Verra chấp nhận phần phương pháp vào quy trình phê duyệt: USD 6,000 	<p>Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025:</p> <p>Đối với tổng số tín chỉ nhựa được phát hành từ mỗi dự án áp dụng phương pháp tương ứng, giá giảm tối đa là USD 100,000.</p> <p>Phí giảm giá tín chỉ nhựa (USD/ tín chỉ)</p> <p>1 - 100: USD 0.15/tín chỉ</p> <p>101 - 500: USD 0.45/tín chỉ</p> <p>501 - 1,000: USD 0.75/tín chỉ</p> <p>1,001 - 2,500: USD 1.05/tín chỉ</p> <p>2,501 - 5,000: USD 1.50/tín chỉ</p> <p>5,001 - 10,000: USD 1.05/tín chỉ</p> <p>10,000 - 100,000: USD 0.75/tín chỉ</p> <p>100,001 trở lên: USD 0.45/tín chỉ</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Phí đăng ký tài khoản	Các loại chương trình	Phí đăng ký mỗi loại dự án	Phí đóng hàng năm	Phí cấp tín chỉ	Phí rà soát các phương pháp	Khung giảm giá
		Tiêu chuẩn xác minh tác động phát triển bền vững (SD VISTA)	USD 2,500		USD 0.50 cho mỗi lợi ích SD VISTA được phát hành	<p>Đối với các phương pháp mới và các sửa đổi lớn về mặt phương pháp, các chi phí bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phí đăng ký các khái niệm ban đầu cho phương pháp mới: USD 2,000 (không hoàn lại tiền) Phí xử lý khi Verra chấp nhận phần phương pháp vào quy trình phê duyệt: USD 5,000 <p>Đối với các mô hình và bộ công cụ sử dụng mới được phát triển hoặc cần sửa đổi nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phí đăng ký các ý tưởng ban đầu cho phương pháp mới: USD 500 (không hoàn lại tiền) Phí xử lý khi Verra chấp nhận phần phương pháp vào quy trình phê duyệt: USD 2,000 	<p>Tính từ ngày 1 tháng 1 năm 2025:</p> <p>Phí giảm giá là USD 0.05 cho mỗi lợi ích SD VISTA được phát hành từ mỗi dự án áp dụng phương pháp tương ứng, giảm giá tối đa là USD 100,000</p>
		Tiêu chuẩn khí hậu, cộng đồng và đa dạng sinh học (CCBS)	Không được đề cập đến		Không được đề cập đến	Không được đề cập đến	Không được đề cập đến
Plan Vivo	USD 800 (chi trả một lần duy nhất)		USD 1,000	<p>USD 1,500 (cho các dự án quy mô lớn)</p> <p>USD 3,000 (cho các dự án quy mô nhỏ)</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Các dự án tạo ra hơn 10,000 tín chỉ Plan Vivo mỗi năm được coi là dự án quy mô lớn.</p> <p>Các dự án tạo ra ít hơn hoặc bằng 10,000 tín chỉ Plan Vivo mỗi năm có thể chọn được coi là dự án quy mô nhỏ.</p>	<p>Nếu dự án cần $\leq 50,000$ tín chỉ các bon Plan Vivo hằng năm, thì phí của mỗi tín chỉ là USD 0.40</p> <p>Nếu dự án cần $> 50,000$ tín chỉ các bon Plan Vivo hằng năm, thì phí của mỗi tín chỉ là USD 0.35</p>	<ul style="list-style-type: none"> Phí xem xét và thẩm định ý tưởng dự án là USD 350. Phí xem xét cả các phương pháp (nhưng không bao gồm đánh giá các bên thẩm định VVB) không giống nhau và phải liên lạc với Plan Vivo để biết thêm thông tin chi tiết. 	Không có thông tin công bố rộng rãi

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Phí đăng ký tài khoản phải trả	Các loại chương trình	Phí đăng ký mỗi loại dự án	Phí đóng hàng năm	Phí cấp tín chỉ	Phí rà soát các phương pháp	Khung giảm giá
Gold Standard Tiêu chuẩn vàng (GS)	USD 1,000 (phí hàng năm phải trả)		Từ USD 0.05 đến USD 0.15 cho mỗi tín chỉ, trừ đi phí đánh giá sơ bộ ban đầu tùy theo loại dự án	<ul style="list-style-type: none"> Phí xem xét đơn đăng ký (có hiệu lực trong 36 tháng): USD 2,500 cho mỗi tổ chức/1 phạm vi; USD 4,600 cho mỗi tổ chức/2 phạm vi Phí gia hạn đơn đăng ký (mỗi 36 tháng): USD 1,500 cho mỗi tổ chức Phí phê duyệt hàng năm (bao gồm 5 kiểm toán viên): USD 1,500 /1 phạm vi; USD 2,800 /2 phạm vi Phí hàng năm cho mỗi kiểm toán viên chính bổ sung: USD 500 cho mỗi người/1 phạm vi Phí cho mỗi khóa đào tạo bổ sung: USD 500 cho mỗi người 	Phí cấp tín chỉ khác nhau tùy vào dự án và thời điểm cung cấp tín chỉ, dao động từ USD 0.05 - USD 0.3 cho mỗi tín chỉ. Xem thêm chi tiết tại đây	Chi phí phụ thuộc vào từng phương pháp áp dụng, do vậy cần liên lạc với Gold Standard để lấy thêm thông tin chi tiết.	Không có thông tin công bố rộng rãi
Cercarbono	USD 200 (trả một lần duy nhất)		USD 3,000	USD 1,500	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí xét duyệt sẽ được giảm 20% nếu tất cả các tín chỉ được trả tiền tại thời điểm phát hành - ví dụ chi phí của mỗi tín chỉ là USD 0.15 thì sau khi giảm giá còn USD 0.12 cho mỗi tín chỉ các bon. Chi phí ban đầu là USD 0.06 cho mỗi tín chỉ + USD 0.09/ mỗi tín chỉ nếu trả tiền trong vòng 6 tháng đầu tiên (tổng là USD 0.15 cho mỗi tín chỉ) Chi phí ban đầu là USD 0.06 cho mỗi tín chỉ + USD 0.10/ mỗi tín chỉ nếu trả tiền trong khoảng thời gian từ 6 đến 12 tháng đầu tiên (Tổng là USD 0.16 cho mỗi tín chỉ) Chi phí ban đầu là USD 0.06 cho mỗi tín chỉ + USD 0.12/ mỗi tín chỉ nếu trả tiền trong khoảng thời gian từ 12 đến 18 tháng đầu tiên (Tổng là USD 0.18 cho mỗi tín chỉ) 	<p>Phê duyệt phương pháp của bên thứ ba theo chương trình Cercarbono</p> <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quản lý chương trình: USD 1,000 Đánh giá của bên thứ ba: USD 5,000 <p>Sử dụng phương pháp của Cercarbono bởi bên thứ ba: USD 0.05 cho mỗi tín chỉ phát hành sử dụng phương pháp đó.</p>	Số lượng tín chỉ được ban hành (USD / tín chỉ) 1 - 1,000,000: USD 0.020/ tín chỉ 1,000,001 - 3,000,000: USD 0.015/tín chỉ 3,000,001 - 5,000,000: USD 0.010/tín chỉ 5,000,001 - 7,000,000: USD 0.008/tín chỉ 7,000,001 - 9,000,000: USD 0.005/tín chỉ

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Phí đăng ký tài khoản	Các loại chương trình	Phí đăng ký mỗi loại dự án	Phí đóng hàng năm	Phí cấp tín chỉ	Phí rà soát các phương pháp	Khung giảm giá
American Carbon Registry Sổ đăng ký Các bon Mỹ (ACR)	USD 500 (chỉ trả hàng năm)		USD 1,000	USD 2,500	Với ACR, không có phí cấp tín chỉ mà thay vào đó là khoản phí kích hoạt USD 0.20 cho mỗi tín chỉ. Tín chỉ các bon sẽ được phát hành mà không tính phí phát hành; tuy nhiên, các tín chỉ đã phát hành sẽ được coi là “không hoạt động” và không thể thực hiện giao dịch hoặc hủy bỏ cho đến khi được kích hoạt bởi chủ tài khoản. Phí kích hoạt là khoản phí chi trả một lần được tính cho mỗi tín chỉ các bon và sẽ được ghi nợ vào tài khoản dự án khi được kích hoạt bởi người quản lý tài khoản hoặc ACR. Tín chỉ các bon sẽ được kích hoạt ngay sau khi ACR nhận được khoản thanh toán.	Phí xem xét và thẩm định ý tưởng dự án: USD 5,000 Phí xem xét và đánh giá phương pháp đề xuất cho các sửa đổi nhỏ hoặc làm rõ đối với các phương pháp đã được phê duyệt: USD 7,500 Phí xem xét và đánh giá phương pháp đề xuất cho các phương pháp mới và các sửa đổi đối với các phương pháp đã được phê duyệt, cần theo quy trình được mô tả trong Phần 7.B của Tiêu chuẩn ACR (tại đây): USD 12,000 Phí đánh giá toàn bộ phương pháp đề xuất: sẽ được xác định sau, cần liên hệ với ACR để có thêm thông tin chi tiết.	Không có thông tin công bố rộng rãi
Global Council Carbon	Miễn phí mở tài khoản cho các dự án với GCC trên cổng điện tử.		USD 3,000 (trả một lần duy nhất) cho mỗi dự án	USD 1,000 phí duy trì hàng năm cho tài khoản số đăng ký IHS Markit	Dự án loại A1, A2, A3, B1, B2 (USD/tín chỉ các bon) 1 - 1,000,000: USD 0.12 - 0.15/ tín chỉ 1,000,001 - 2,000,000: USD 0.10 - 0.12/ tín chỉ 2,000,001 - 6,000,000: USD 0.09 - 0.11/ tín chỉ 6,000,001 - 8,000,000: USD 0.05 - 0.07/ tín chỉ 8,000,001 - 10,000,000: USD 0.04 - 0.05/ tín chỉ 10,000,001 trở lên: USD 0.03 - 0.04/ tín chỉ Lưu ý: 1. Dự án loại A1 - Loại này bao gồm các dự án mới có tính chất tiên phong, chưa được gửi đến bất kỳ chương trình khí nhà kính nào, và sẽ bắt đầu hoạt động sau khi nộp đủ tài liệu cho yêu cầu đăng ký dự án với GCC. 2. Dự án loại A2 - Loại này bao gồm các dự án đã được đăng ký với Cơ chế phát triển sạch (CDM) hoặc bất kỳ chương trình nào khác trước hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016, với đơn đăng ký ban đầu gửi đến GCC trước ngày 05 tháng 07 năm 2022.	Không có thông tin công bố rộng rãi	Không có thông tin công bố rộng rãi
Hội đồng Các bon Toàn cầu (GCC)	Chi phí mở tài khoản đăng ký trên cổng điện tử IHS Markit là USD 1,000 IHS Markit hỗ trợ việc quản lý các Tín chỉ các bon được phê duyệt (ACCs) được tạo ra từ dự án với GCC. Mở tài khoản trên số đăng ký IHS Markit sẽ cung cấp cơ hội cho người sở hữu tài khoản truy cập cả giao diện trực tuyến công khai và nội bộ của IHS Markit (cần đăng nhập bằng ID và mật khẩu).						

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 2. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Phí đăng ký tài khoản	Các loại chương trình	Phí đăng ký mỗi loại dự án	Phí đóng hàng năm	Phí cấp tín chỉ	Phí rà soát các phương pháp	Khung giảm giá	
					<p>3. Dự án loại A3 - Loại này bao gồm các dự án chưa được gửi đến bất kỳ chương trình khí nhà kính nào và nộp đơn ban đầu cho GCC vào hoặc sau ngày 05 tháng 07 năm 2022. Đơn đăng ký ban đầu phải được nộp trước khi bắt đầu hoạt động hoặc trong vòng một năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động của dự án.</p> <p>4. Dự án loại B1 - Loại này bao gồm các dự án CDM đã được đăng ký với CDM sau ngày 01 tháng 01 năm 2016, đã bắt đầu hoạt động sau ngày 01 tháng 01 năm 2016 và đã được cấp Giấy chứng nhận ban hành tín chỉ các bon (CER).</p> <p>5. Dự án loại B2 - Loại dự án này tương tự như các dự án loại B1 nhưng không muốn xin thêm các nhân chứng nhận bổ sung (liên quan đến đóng góp cho các Mục tiêu phát triển bền vững, không gây hại cho môi trường và xã hội, và chứng nhận của quốc gia chủ nhà về việc tránh trùng lặp). Các dự án này cũng không đủ điều kiện nhận nhân cho Kế hoạch giảm và bù đắp các bon trong các chuyến bay quốc tế (CORSIA).</p>			
Social Carbon	GBP 600 (chi trả hàng năm)		USD 1,000	USD 2,500	<p>USD 0.30 cho mỗi tín chỉ các bon của Social Carbon bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Các dự án được liệt kê trước ngày 01 tháng 10 năm 2024 với dự báo phát hành hàng năm từ 10,000 tấn CO2 trở xuống sẽ được tính theo biểu phí trước đây (chi áp dụng mức phí USD 0.12 cho mỗi tín chỉ các bon của Social Carbon phát hành).</p>	<p>Đối với các phương pháp mới và cần sửa đổi nhiều, các chi phí bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> USD 1,000 phí đăng ký phương pháp (không hoàn trả) cộng thêm USD 10,000 phí xem xét thẩm định khi Quỹ Social Carbon chấp nhận các yếu tố của phương pháp vào quy trình phê duyệt, thẩm định. <p>Đối với các module tính toán, bộ công cụ và phương pháp cần sửa đổi ít:</p> <ul style="list-style-type: none"> USD 1,000 phí đăng ký phương pháp (không hoàn trả) cộng thêm USD 5,000 phí xem xét thẩm định khi Quỹ Social Carbon chấp nhận các yếu tố của phương pháp vào quy trình phê duyệt, thẩm định. 	<p>Số lượng tín chỉ được ban hành (USD/tín chỉ)</p> <p>1 - 1,000,000: USD 0.02/tín chỉ 1,000,001 - 2,000,000: USD 0.018/tín chỉ 2,000,001 trở lên: USD 0.015/tín chỉ</p>	

Nguồn: Plan Vivo 2020, ACR 2023, GCC 2023, Gold Standard 2023, Social Carbon 2024, Cercarbono 2024, Verra 2024, Verra 2024.

Bảng 3 cung cấp một số thông tin so sánh giữa các chi phí mà nhiều tiêu chuẩn các bon đang thu cho một số dự án các bon tự nguyện ở Việt Nam cũng như thời gian để tiến hành đăng ký và khả năng truy hồi các tín chỉ các bon.

Bảng 3. So sánh chi phí áp dụng bởi một số tiêu chuẩn các bon

Các tiêu chuẩn	Thời gian để tiến hành đăng ký	Chi phí để cấp và đăng ký tín chỉ
VERRA – Tiêu chuẩn các bon đã được xác minh	6 - 12 tháng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chi phí niêm yết: \$4,000 2. Chi phí phát hành: \$0.20/tín chỉ 3. Giá này sẽ thay đổi thành \$0.23/tín chỉ giảm thiểu hoặc loại bỏ bắt đầu từ ngày 01/01/2025
Gold Standard -Tiêu chuẩn vàng	12 - 18 tháng	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí niêm yết: \$4,000 – 8,000 • Chi phí phát hành: \$0.15 - 0.30 /tín chỉ
Plan Vivo	3 - 6 tháng	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí niêm yết: \$6,000 • Chi phí phát hành: \$0.35-0.40 /tín chỉ

Nguồn: Verra 2021, Plan Vivo 2022, Standards Map App 2022, Berkeley Public Policy 2023, Gold Standard 2024.

4 Chi phí trả một lần duy nhất vs. Chi phí định kỳ

Nhìn chung các chi phí cho một dự án các bon được chia làm hai loại (Bảng 4):

- Các chi phí chỉ phải trả một lần duy nhất trong quá trình thực hiện dự án
- Các chi phí phải chi trả định kỳ trong suốt vòng đời của dự án

Có thể thấy chi phí cho các dự án thiên nhiên (trong đó có các bon rừng) thường cao hơn rất nhiều so với các dự án công nghệ. Điều này là do các dự án các bon thiên nhiên phức tạp hơn và đòi hỏi nhiều thời gian hơn để kiểm chứng ngoài thực địa và tham vấn với các bên có liên quan.

Bảng 4. Tổng quan các chi phí liên quan đến thiết kết và thực hiện dự án các bon

Tần suất chi phí	Các hạng mục chi phí	Loại hình dự án	
		Dự án thiên nhiên (bao gồm dự án các bon rừng) (USD)	Dự án công nghệ (USD)
Chi phí chỉ phải trả một lần duy nhất trong suốt vòng đời dự án	Nghiên cứu tiền khả thi	\$10,000 - \$30,000	\$10,000 - \$30,000
	Đánh giá tính khả thi của dự án	\$50,000 - \$150,000	\$50,000 - \$100,000
	Chi phí để xây dựng văn kiện dự án	\$250,000 - \$500,000	\$100,000 - \$200,000
	Chi phí đăng ký dự án vào danh mục các dự án trên hệ thống cấp chứng chỉ	\$1,000 - \$5,000	\$1,000 - \$5,000
	Chi phí thẩm định	\$40,000 - \$60,000	\$20,000 - \$40,000
	Chi phí đăng ký vào hệ thống sau khi có xác minh thẩm định	\$5,000 - \$30,000	\$5,000 - \$30,000
Tổng chi phí phải chi trả một lần duy nhất một lần trong suốt cuộc đời dự án		\$350,000 - \$800,000	\$200,000 - \$400,000
Chi phí định kỳ luôn phải chi trả trong suốt vòng đời dự án	Chi phí thực hiện và chi phí theo dõi giám sát	Tùy thuộc vào quy mô, loại hình, bối cảnh kinh tế, chính trị và xã hội của dự án, địa bàn và tính chất phức tạp của dự án.	
	Chi phí thẩm định	\$100,000 - \$300,000/mỗi vòng đời cấp chứng chỉ	\$50,000 - \$150,000/mỗi vòng đời cấp chứng chỉ
	Chi phí cấp chứng chỉ	\$0.002 - 0.15/tín chỉ	\$0.002 - 0.15/tín chỉ
Tổng chi phí tối thiểu phải chi trả định kỳ trong suốt vòng đời dự án		Tối thiểu \$100,000/chu trình	\$50,000/chu trình

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya 2024.

Một phần không nhỏ của các chi phí này là để trả cho bên kiểm định thứ ba (VVB) (Bảng 5).

Bảng 5. Các chi phí bắt buộc mà dự án phải cho bên kiểm định VVB

Các chi phí bắt buộc	Mục đích
Chi phí xác minh ban đầu (Validation)	Xác minh tính hợp lệ của văn kiện thiết kế dự án (PDD) và đảm bảo dự án tuân thủ các tiêu chuẩn giảm phát thải
Chi phí thẩm định (Verification)	Phí thẩm định định kỳ để xác minh rằng dự án thực hiện đúng cam kết và đạt được mức giảm phát thải như đã được thông qua trước đó
Chi phí trả cho thẩm định viên	Chi phí trả cho các thẩm định viên và nhóm thẩm định viên thực hiện công tác xác minh và thẩm định
Chi phí đi lại và lưu trú cho thẩm định viên	Các chi phí đi lại và lưu trú cho các thẩm định viên trong suốt quá trình thẩm định tại thực địa

Mặc dù Bảng 4 cung cấp các thông tin cập nhật đến thời điểm báo cáo được hoàn thành (Tháng 11 năm 2024), cần lưu ý rằng các chi phí này thường xuyên được cập nhật bởi các tiêu chuẩn các bon nên các bên có liên quan cần cập nhật thường xuyên các thông tin được cung cấp bởi các tổ chức vận hành thị trường các bon.

5 Các chi phí vận hành và thực hiện dự án

Ngoài các chi phí mà bên thực hiện dự án phải chi trả cho các tiêu chuẩn các bon thu để đăng ký, giao dịch, thẩm định và cấp chứng chỉ các bon, các dự án còn phải chi trả cho các hoạt động thực hiện dự án (Bảng 6). Tùy thuộc vào quy mô của dự án, các chi phí này có thể rất khác nhau.

Bảng 6. Các chi phí cần cân nhắc khi thực hiện dự án

Các thông số chính của dự án ảnh hưởng đến chi phí thực hiện dự án	<ul style="list-style-type: none">• Vị trí địa lý, loại hình dự án, thời gian thực hiện dự án và tiêu chuẩn các bon muốn áp dụng sẽ quyết định đến chi phí thực hiện dự án• Giá định về tài chính và kinh tế, bao gồm mức tăng lương hàng năm, mức lạm phát hàng năm, tỉ giá chênh lệch giữa USD và VND• Chi phí liên quan đến thuế và thực hiện các nghĩa vụ mà Nhà Nước quy định• Chi phí cho mỗi tín chỉ các bon (luôn thay đổi và có xu thế tăng hàng năm) như các phần trên đã chỉ ra
Chi phí thực hiện các biện pháp giảm phát thải	<ul style="list-style-type: none">• Các chi phí chuyển đổi công nghệ• Các chi phí để trồng rừng, bảo vệ rừng, phục hồi rừng• Các chi phí theo dõi, giám sát• V.v.
Nhân sự	Các dự án cần tính toán chi phí lương, phúc lợi đầy đủ cho nguồn nhân lực để đảm bảo dự án có thể thực hiện được (bao gồm cả các cán bộ làm việc toàn thời gian cho dự án, tư vấn, cộng tác viên, và các bên dịch vụ)
Hành chính	Chủ dự án cần xem xét các chi phí đào tạo cần thiết và phí cho đồ dùng thiết yếu (sổ sách, bút viết,...)
Đi lại và lưu trú	Dự tính chi phí đi lại, bao gồm những phương tiện sử dụng, số nhân viên cho mỗi lần di chuyển, số lần di chuyển và các chi phí khác cần để phục vụ cho mục đích di chuyển của dự án nói chung. Nếu chi phí này phục vụ cho một hoạt động cụ thể nào đó thì sẽ được liệt kê trong trang “Các hoạt động cần thiết”
Các hoạt động cần thiết	Chủ dự án cần xem xét chi phí thiết lập các hoạt động cần thiết cho dự án, ví dụ: để kết nối với các nhà đầu tư, v.v.
Tài sản	Chi phí mua và duy trì tín chỉ các bon, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Năm mua tín chỉ và tuổi thọ của tín chỉ. Đây là điều quan trọng cần xem xét trong trường hợp giá trị của tín chỉ thay đổi hàng năm• Chi phí thay thế hoặc loại bỏ tín chỉ hết hạn sử dụng
Các chi phí khác	Các chi phí khác bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Phí thuê văn phòng, mặt bằng, phí trả hóa đơn. Chủ đầu tư nên xem xét thời gian của dự án để tính ra chi phí cần thiết• Phí và thuế cần trả dựa theo luật của Nhà Nước, phí này chưa bao gồm lạm phát. Có thể thêm phí chênh lệch lạm phát ở đây nếu muốn• Chi phí rủi ro và phát sinh• Chi phí mua bảo hiểm• Chi phí khác

Nguồn: Dựa theo CIFOR 2018.

6 Kết luận

Báo cáo này chỉ ra rằng quá trình thiết kế, đăng ký, thực hiện và thẩm định cấp chứng chỉ một dự án các bon khá tốn kém, kèm theo cả chi phí trả một lần, chi phí trả định kỳ, chi phí trả cho các biện pháp kỹ thuật, tài chính và xã hội để thực hiện dự án và các chi phí khác trả cho bên trung gian thứ ba. Các chi phí này cần được cân nhắc và tính toán để các bên tiến hành thực hiện dự án có thể đảm bảo lợi nhuận thu được từ dự án có thể trang trải các chi phí bỏ ra. Việc cân nhắc và tính toán đầy đủ các chi phí cũng giúp các bên xác định được cả giá bán và giá mua tín chỉ các bon sao cho hợp lý để đảm bảo các bên đầu tư, người mua và bán tín chỉ các bon đều thu được lợi nhuận, từ đó cam kết thực hiện dự án các bon một cách ổn định và lâu dài. Để giảm thiểu các chi phí bỏ ra cho một dự án, các bên cần cân nhắc tới việc đầu tư vào khoa học công nghệ và phối hợp đa bên để cùng chia sẻ chi phí và rủi ro cùng nhau. Trước bối cảnh biến động của thị trường các bon, các bên có liên quan cần liên tục cập nhật mức phí liên quan đến đăng ký, thẩm định và ban hành tín chỉ các bon mà các tiêu chuẩn các bon đưa ra, từ đó so sánh và lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp nhất với loại hình dự án của mình.

Tài liệu tham khảo

- ACR (American Carbon Registry). 2024. ACR fee schedule February 2024. Accessed 20 November 2024. <https://acrcarbon.org/wp-content/uploads/2023/12/ACR-Fee-Schedule-February-2024.pdf>
- Berkeley Public Policy. 2023. Voluntary Registry Offsets Database. Berkeley, CA: Richard & Rhoda Goldman School of Public Policy, University of California. Accessed 20 November 2024. <https://gspp.berkeley.edu/research-and-impact/centers/cepp/projects/berkeley-carbon-trading-project/offsets-database>
- Cercabono. 2024. Fee schedule Cercabono 2024. Version 5. Colombia: Cercabono. Accessed 20 November 2024. <https://www.cercabono.com/wp-content/uploads/Fee-Schedule-Cercabono-2024.pdf>
- CIFOR (Center for International Forestry Research). 2018. REDD+ cost model. Bogor, Indonesia: CIFOR. Accessed 20 November 2024. <https://www2.cifor.org/redd-benefit-sharing/resources/tools/redd-cost-model/>
- GCC (Global Carbon Council). 2023. GCC fee schedule. Doha, Qatar: GCC. Accessed 20 November 2024. <https://www.globalcarboncouncil.com/wp-content/uploads/2023/05/GCC-Fee-Schedule.pdf>
- Gold Standard. 2024b. Gold standard annual report 2023. Châtelaine, Switzerland: Gold Standard. Accessed 20 November 2024. <https://www.goldstandard.org/publications/gold-standard-annual-report-2023>
- Gold Standard. 2023. GS fee schedule 2023. Châtelaine, Switzerland: Gold Standard. Accessed 20 November 2024. <https://globalgoals.goldstandard.org/standards/GS-fee-schedule-2023.pdf>
- Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya. 2024. “*Sách hướng dẫn thị trường carbon cho các doanh nghiệp Kenya*”. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. Accessed 20 November 2024. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099040424053541073/pdf/P1796801e6f92d053187b01916665fc998d.pdf>
- Plan Vivo. 2022. PV climate - projects. Edinburgh, Scotland: Plan Vivo. Accessed 20 November 2024. <https://www.planvivo.org/Pages/Category/projects?Take=31#startcontent>
- Plan Vivo. 2020. Climate costs and fees. Edinburgh, Scotland: Plan Vivo. Accessed 20 November 2024. <https://www.planvivo.org/pv-climate-costs-and-fees>
- Social Carbon. 2024. Fee schedule. London, England: Social Carbon. Accessed 20 November 2024. <https://www.socialcarbon.org/fee-schedule>
- Standards Map App. 2022. Standard profile for Verified Carbon Standard - VCS. Geneva, Switzerland: Standards Map App. Accessed 20 November 2024. <https://standardsmap.org/en/factsheet/67/overview>
- Verra. 2024a. VCS Program fee schedule v4.5. Washington, DC: Verra. Accessed 20 November 2024. <https://verra.org/wp-content/uploads/2024/10/VCS-Program-Fee-Schedule-v4.5-watermark.pdf>
- Verra. 2024b. Verra Program fee schedule v1.0. Washington, DC: Verra. Accessed 20 November 2024. <https://verra.org/wp-content/uploads/2024/10/Verra-Program-Fee-Schedule-v1.0.pdf>
- Verra. 2021. Verified Carbon Standard. Washington, DC: Verra. Accessed 20 November 2024. <https://registry.verra.org/app/search/VCS/All%20Projects>

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009332

Các báo cáo kỹ thuật của CIFOR-ICRAF bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cần được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.

Nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam, các bên phát triển dự án, cộng đồng, người dân và doanh nghiệp có các thông tin đầy đủ và cập nhật về các chi phí liên quan đến dự án các bon, từ đó đưa ra các quyết định chính xác trong quá trình xây dựng, đàm phán và thực hiện các dự án các bon rừng, báo cáo này rà soát các tài liệu thứ cấp bao gồm thông tin về thị trường các bon, các chi phí liên quan để thiết kế, đăng ký dự án và cấp chứng chỉ các bon. Điều cần lưu ý là trước bối cảnh thị trường các bon có nhiều biến động đi kèm với tốc độ phát triển khoa học công nghệ và cạnh tranh giữa các tiêu chuẩn các bon, các chi phí mà báo cáo này ghi nhận có thể thay đổi theo từng thời kỳ, do vậy các bên liên quan thực hiện dự án cần phải thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời cập nhật xu thế thị trường.

UBS Optimus
Foundation



Global Affairs
Canada

Affaires mondiales
Canada



cifor-icraf.org

forestsnews.cifor.org

CIFOR-ICRAF

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc Tế và Tổ Chức Nghiên cứu Nông Lâm Quốc Tế (CIFOR-ICRAF) hướng tới giải quyết các thách thức toàn cầu hiện nay bao gồm biến đổi khí hậu, suy thoái và mất đa dạng sinh học, bất bình đẳng cũng như đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. CIFOR-ICRAF là tổ chức nghiên cứu CGIAR.

